

Số: **283/2026/QĐST-HNGĐ**

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 210/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 03 năm 2026, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **H.K.L**, sinh ngày 15/11/1998; CCCD số 00*****49 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/06/2024; Địa chỉ: Thôn A, xã T, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh **N.V.N**, sinh ngày 01/07/2003; CCCD số 03*****82 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01/05/2021; Địa chỉ: Căn hộ 0**A Tòa S2.02 KĐT V, xã G, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 03 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 03 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H.K.L, sinh năm 1998 và anh N.V.N, sinh năm 2003.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị H.K.L và anh N.V.N, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị L và anh N cùng thống nhất xác định anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị L và anh N thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H.K.L chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/26E số 0004729 ngày 02 tháng 03 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5). Hoàn trả chị L số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND Khu vực 5 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự TP Hà Nội
- Phòng THA DS - KV5 – Hà Nội;
- UBND xã Đ, huyện G – nay là xã G, thành phố Hà Nội (theo GCNKH số 30/2025 ngày 29/04/2025)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc